

Tuần 03, 23/01/2026

Thận trọng chờ đợi các tin tức

Tiêu điểm:

- Chiều ngày 20/01/2026, Bộ Tài chính Việt Nam chính thức công bố các thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực tài sản mã hóa, triển khai Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về thí điểm thị trường tài sản mã hóa.
- Ngày 21/1, Tổng thống Trump bất ngờ cho biết đã đạt được một khuôn khổ cho thỏa thuận về Greenland và rút lại lời đe dọa trên.
- Chiều 23/1, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia (Hà Nội), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã bế mạc và thành công tốt đẹp. Đồng chí Tô Lâm tái đắc cử Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

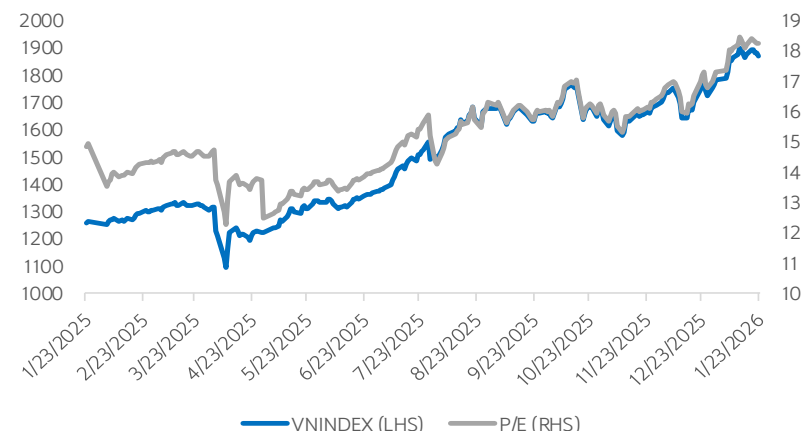
Đánh giá: Nhiều sự kiện trong và ngoài nước góp phần khiến nhà đầu tư thận trọng hơn. Thể hiện qua thanh khoản có dấu hiệu sụt giảm tại vùng đỉnh, nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ thông tin thoái vốn nhà nước đã có dấu hiệu chốt lời. Chúng tôi cho rằng trong vài tuần tới nhóm tư nhân với nền tảng cơ bản rõ ràng sẽ được dòng tiền chú ý, trong bối cảnh sẽ xuất hiện nhiều doanh nghiệp công bố BCTC năm 2025.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,870.79 điểm (-8.34 điểm; -0.44%) với thanh khoản giảm nhẹ. Khối ngoại bán ròng trong tuần này. Xu hướng chung vẫn tăng. Vùng hỗ trợ tham chiếu khoảng 1,810 điểm tương ứng với MA 20 và vùng kháng cự cũ.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ngắn hạn nên chốt lời với nhóm đã tăng nóng theo tin thoái vốn của nhà nước; và có thể xem xét giải ngân với nhóm Chứng khoán và thép khi nhóm này vẫn hấp dẫn. Cho vị thế trung dài hạn, nhóm bất động sản có nền tảng vững chắc và bị định giá thấp cũng là cơ hội đáng xem xét.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa 1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)	
VN-Index	1,871	-0.4	5.6	10.9	4.8		18.3	2.2	333
Upcom Index	127	0.0	5.9	14.4	5.0		N/A	N/A	26
HNX Index	253	0.3	-1.0	-5.2	1.7		22.2	1.4	16
VN30 Index	2,078	-0.1	3.2	6.8	2.3		17.9	2.5	234
S&P 500 Index	6,913		0.1	2.6	1.0		27.6	5.5	61,396
STOXX Europe 600 Index	608	-1.0	3.3	5.9	2.7		17.4	2.4	18,447
Hang Seng	26,750	-0.4	3.8	3.0	4.4		13.5	1.4	4,069
Nikkei 225	53,847	-0.2	6.8	10.7	7.0		22.7	2.6	5,781
SHCOMP Index	4,136	0.8						1.6	9,388
STI Index	4,887	0.8	5.4	10.7	5.2		15.0	1.6	562
KOSPI Index	4,990	3.1	21.2	29.8	18.4		21.4	1.6	2,703

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Tien Le
 ☎ (84-28) 6299-8011
 ✉ tien.ld@shinhan.com

Nam Hoàng, CFA
 ☎ (84-28) 5808 7603
 ✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

1. Tổng thống Trump rút lại thuế quan Greenland

Ngày 21-1, Tổng thống Trump bất ngờ thông báo ông đã đạt được một khuôn khổ thỏa thuận mà mình cảm thấy hài lòng về Greenland sau cuộc gặp tại Davos với Tổng thư ký NATO Mark Rutte, đồng thời rút lại cả lời đe dọa kiểm soát Greenland bằng vũ lực và kế hoạch áp thuế đối với các đồng minh châu Âu.

2. Ông Trump dọa áp thuế quan 100% lên Canada nếu ký thỏa thuận thương mại với Trung Quốc

Ngày 24-1, Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố ông sẽ áp thuế quan 100% đối với Canada nếu nước này ký kết thỏa thuận thương mại với Trung Quốc, đồng thời cảnh báo Thủ tướng Canada Mark Carney rằng một thỏa thuận như vậy sẽ gây nguy hiểm cho nước này.

3. Tổng Bí thư Tô Lâm và 9 Ủy viên Bộ Chính trị tái đắc cử Trung ương khóa XIV

Tổng Bí thư Tô Lâm cùng 9 Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII được Đại hội Đảng XIV bầu tái cử Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV nhiệm kỳ 2026-2031.

4. Ngân hàng đầu tiên tiết lộ thời điểm ra mắt vàng thương hiệu riêng và sàn crypto

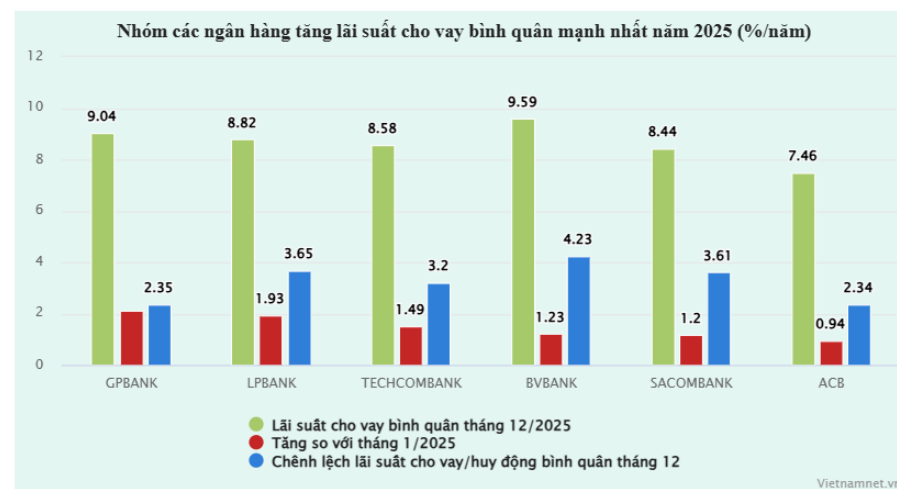
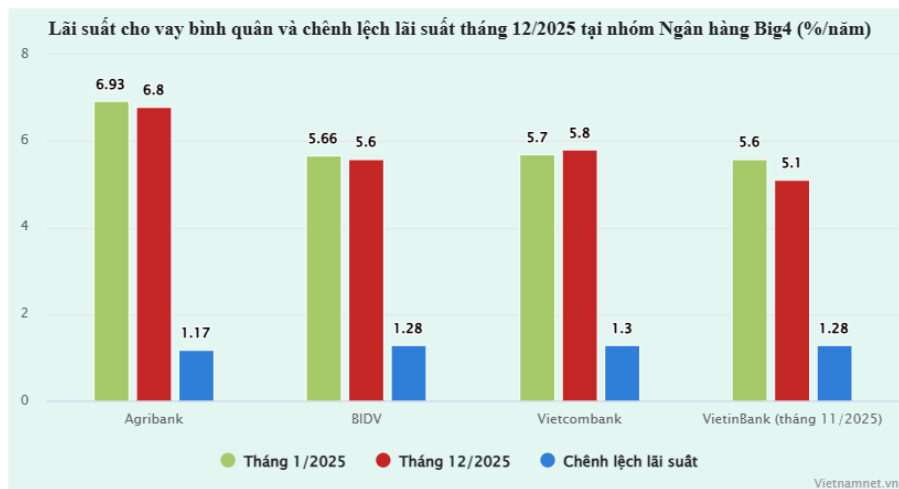
Chia sẻ tại buổi cập nhật kết quả kinh doanh quý 4/2025 của Techcombank và Techcom Securities, ông Nguyễn Xuân Minh, Chủ tịch Techcom Securities (TCBS) cho biết đã nộp hồ sơ xin cấp phép về hoạt động Crypto. "Có thể chúng tôi sẽ nhận được giấy phép trong khoảng ba tháng nữa, cũng có thể sớm hơn tùy cơ quan quản lý. Về mức độ sẵn sàng, chúng tôi đã chuẩn bị xong: đã thiết lập nền tảng, hệ thống, toàn bộ quy trình... Vì vậy, hy vọng khi có giấy phép, chúng tôi có thể mở hoạt động ngay ngày hôm sau", ông nói.

5. Việt Nam được Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm đối với các công cụ nợ dài hạn cao cấp có bảo đảm

Ngày 22/1/2026, Tổ chức Xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings (Tổ chức Fitch) nâng xếp hạng tín nhiệm đối với các công cụ nợ dài hạn cao cấp có bảo đảm của Việt Nam từ mức BB+ lên mức BBB- (tương đương xếp hạng đầu tư). Quyết định này phản ánh kỳ vọng của tổ chức Fitch về triển vọng thu hồi nợ đối với trái phiếu không bảo đảm của quốc gia phát hành, kết hợp với các lợi ích thu hồi bổ sung từ phần được bảo đảm hoặc bảo lãnh cho các công cụ nợ

6. Hơn 20 ngân hàng công bố lãi suất cho vay: Mặt bằng lãi vay tăng rõ rệt

Hầu hết ngân hàng đều công bố lãi suất cho vay bình quân tháng 12/2025 tăng so với tháng liền kề (tháng 11/2025) và so với đầu năm. Diễn biến này phù hợp với việc lãi suất huy động tại các ngân hàng thương mại liên tục tăng cao trong vài tháng gần đây.





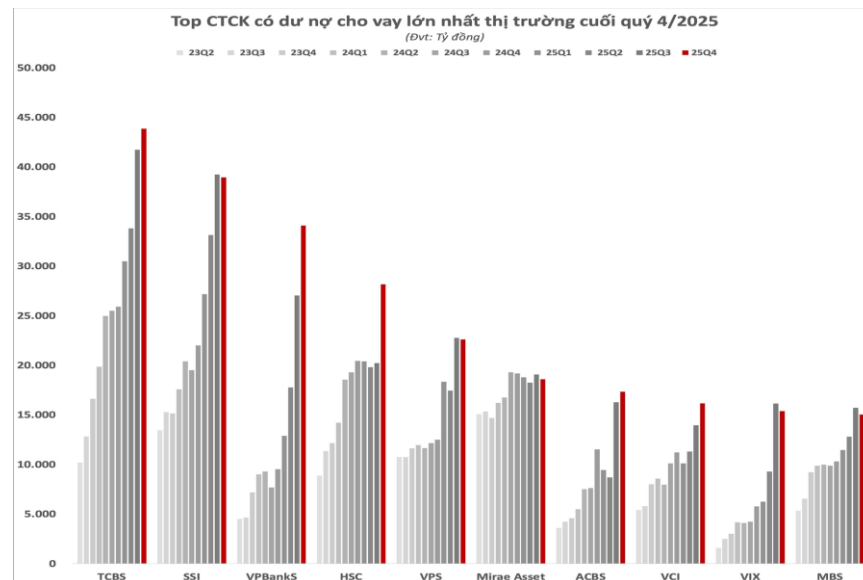
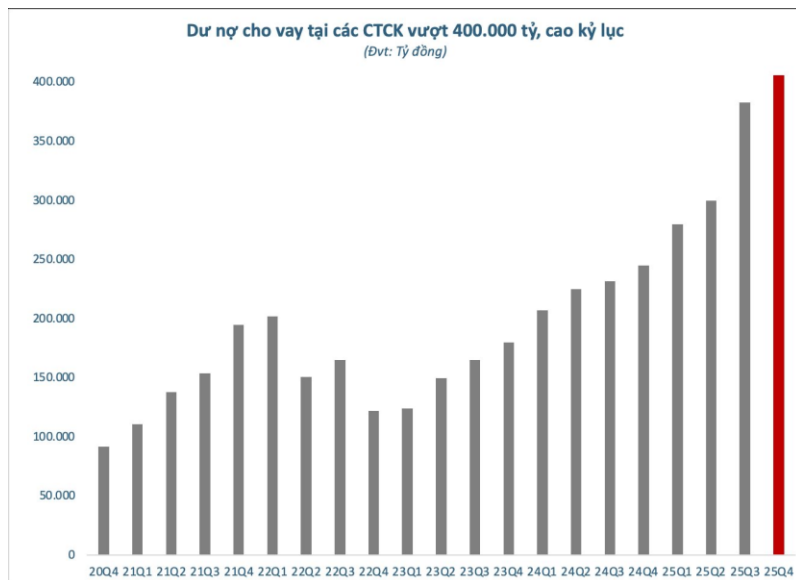
Cú hích cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 20-2026/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17-5-2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Theo đó, từ ngày 15-1, doanh nghiệp (DN) nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu được miễn thuế thu nhập DN trong 3 năm.

Các DN khởi nghiệp sáng tạo và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp được miễn thuế thu nhập DN 2 năm đầu và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Hiện cả nước có khoảng 900.000 DN nhỏ và vừa, chiếm gần 98% tổng số DN, đóng góp gần một nửa GDP cả nước, tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động.

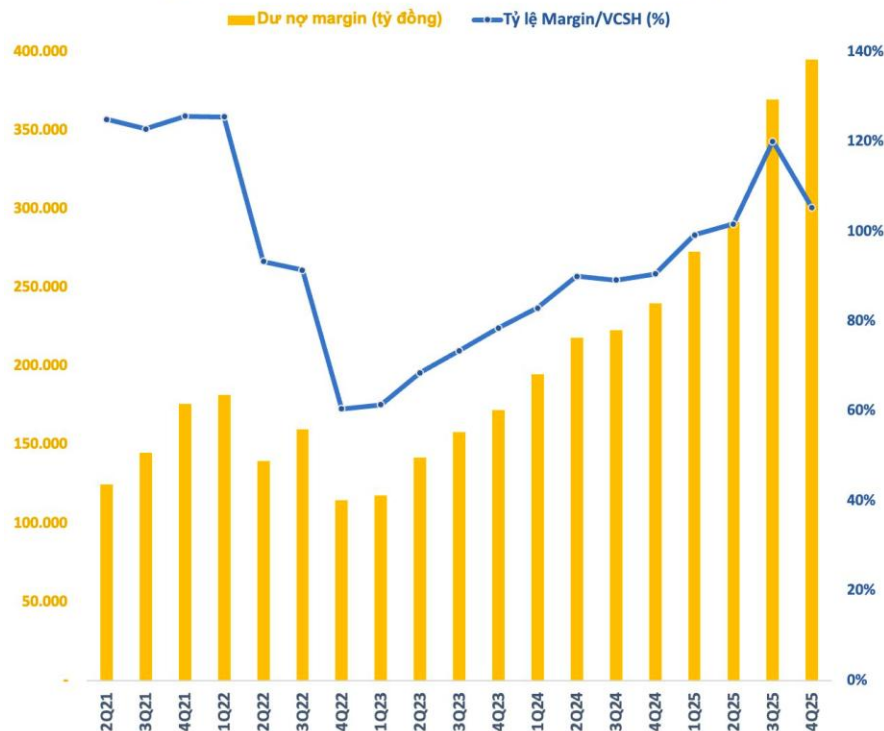


Dư nợ cho vay tại các công ty chứng khoán lần đầu vượt 400,000 tỷ đồng

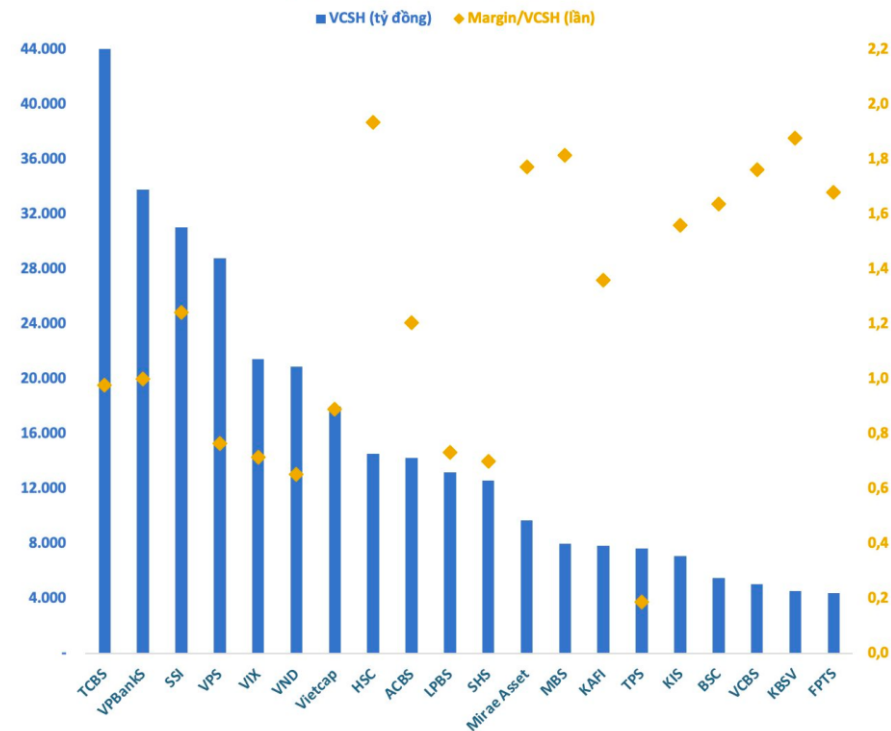
Theo thống kê, tính đến cuối quý 4/2025, dư nợ cho vay (bao gồm margin và ứng trước tiền bán) tại các công ty chứng khoán ước tính vào khoảng 406,000 tỷ đồng (~15,6 tỷ USD), tăng khoảng 23,000 tỷ so với cuối quý 3 trước đó và là mức cao kỷ lục từ trước đến nay.

Cụ thể, Mirae Asset, SSI, VNDirect, VPS đồng loạt ghi nhận dư nợ cho vay có phần hạ nhiệt so với mức kỷ lục tại thời điểm cuối quý 3/2025. Cùng chiều, KIS, MBS và FPTS đồng loạt báo dư nợ giảm hơn 600 tỷ đồng. Ngược lại, TCBS, VPBanks, HSC, ACBS, VCI tiếp tục tăng dư nợ cho vay.

Tương quan dư nợ Margin và VCSH tại các CTCK cuối quý 2/2025



Tỷ lệ Margin/VCSH tại một số CTCK



Các CTCK dẫn đầu về VCSH như TCBS, VPBankS, SSI, VPS, VIX, VNDirect,... đều còn khá nhiều room cho vay, với tỷ lệ Margin/VCSH khoảng 1-1,2 lần, thậm chí dưới 1

Ngược lại, Tỷ lệ Margin/VCSH tại một số CTCK như HSC, Mirae Asset, MBS, VCBS, KBSV,... đang ở mức cao, thậm chí có trường hợp gần ngưỡng tối đa. Nguyên nhân chủ yếu do tốc độ tăng vốn không theo kịp nhu cầu margin của khách hàng

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)								
▼ Công ty	▼ Ngành	Q4 2025	Q4 2024	Tăng trước	2025	2024	Tăng trước	
TCX	TCBS	Chứng khoán	2.041	933	119%	7.109	4.802	48%
VIX	VIX Securities	Chứng khoán	1.601	134	1098%	6.717	815	724%
VCK	VPS	Chứng khoán	1.279	1.052	22%	4.471	3.154	42%
VPX	VPBank Securities	Chứng khoán	1.216	379	220%	4.476	1.220	267%
SSI	SSI (mẹ)	Chứng khoán	916	475	93%	4.859	3.353	45%
	HD Securities	Chứng khoán	670	187	258%	1.284	674	90%
VCI	VietCap Securities	Chứng khoán	544	253	115%	1.629	1.089	50%
HCM	HSC	Chứng khoán	401	285	41%	1.474	1.295	14%
MBS	MBS	Chứng khoán	385	207	86%	1.415	931	52%
VND	VNDirect	Chứng khoán	377	275	37%	2.508	2.088	20%
	ACBS	Chứng khoán	323	171	89%	1.218	839	45%
SHS	SHS	Chứng khoán	272	282	-4%	1.651	1.239	33%
	KIS	Chứng khoán	249	118	110%	721	569	27%
	LPBank Securities	Chứng khoán	221	51	337%	653	100	553%
	Mirae Asset	Chứng khoán	191	225	-15%	886	822	8%
	VCBS	Chứng khoán	190	113	68%	741	634	17%
FTS	FPTS	Chứng khoán	164	179	-8%	511	663	-23%
BSI	BIDV Securities	Chứng khoán	120	113	6%	616	516	19%

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)								
▼ Công ty	▼ Ngành	Q4		Q4		Tăng		Tăng
		▼ 2025	▼ 2024	▼ trước	▼ 2025	▼ 2024	▼ trước	
VPB	VPBank	Ngân hàng	10.229	6.151	66%	30.625	20.013	53%
TCB	Techcombank	Ngân hàng	9.153	4.696	95%	32.538	27.538	18%
LPB	LPBank	Ngân hàng	4.657	3.350	39%	14.269	12.168	17%
KLB	KienLongBank	Ngân hàng	786	352	124%	2.323	1.112	109%
VAB	VietABank	Ngân hàng	573	292	96%	1.623	1.086	49%
PGB	PGBank	Ngân hàng	272	76	256%	768	425	81%

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)								
▼ Công ty	▼ Ngành	Q4		Q4		Tăng		Tăng
		▼ 2025	▼ 2024	▼ trước	▼ 2025	▼ 2024	▼ trước	
SZC	Sonadezi Châu Đức	Bất động sản	143	92	55%	444	375	18%
SZB	Sonadezi Long Bình	Bất động sản	123	30	313%	249	243	3%
TIP	Tín Nghĩa IP	Bất động sản	120	88	36%	268	231	16%
SZG	Sonadezi Giang Điền	Bất động sản	64	66	-3%	294	229	28%
LHG	Long Hậu	Bất động sản	57	61	-7%	363	236	54%
HDC	Hodeco	Bất động sản	56	7	653%	813	90	807%
VRG	Vinaruco	Bất động sản	51	35	47%	46	82	-44%
UIC	Udico	Bất động sản	42	24	76%	128	73	76%
THD	Thaiholdings	Bất động sản	35	15	143%	127	106	20%
ICN	Idico Conac	Bất động sản	20	139	-86%	203	304	-33%
D2D	D2D	Bất động sản	9	113	-92%	302	111	172%
NHA	Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	Bất động sản	3	13	-77%	99	79	26%
VEF	VEFAC	Bất động sản	-25	546	-105%	19.270	1.185	1526%

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)								
	Công ty	Ngành	Q4 2025	Q4 2024	Tăng trước	2025	2024	Tăng trước
TIS	Tisco	Thép	13	87	-85%	14	11	24%
TNB	Thép Nhà Bè	Thép	2	9	-82%	6	4	60%
TNS	Thép Tấm lá Thống Nhất	Thép	2	26	-94%	19	59	-68%
TDS	Thủ Đức VNSteel	Thép	1	11	-93%	9	2	450%
CBI	Gang thép Cao Bằng	Thép	-5	-109		-205	-160	
VCA	Vicasa - VNSteel	Thép	-13	3	-542%	-15	1	-1510%

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)								
	Công ty	Ngành	Q4 2025	Q4 2024	Tăng trước	2025	2024	Tăng trước
ANV	Navico	Thủy sản	295	14	2038%	1.152	79	1368%
FMC	Fimex	Thủy sản	166	190	-12%	411	422	-2%
THP	Thuận Phước	Thủy sản	14	-2		46	18	149%
CAD	Cadovimex	Thủy sản	3	-16		-3	-78	
AAM	Thủy sản Mekong	Thủy sản	-0,5	-1		4	-6	
TS4	Thủy sản 4	Thủy sản	-3	-3		-10	-4	
JOS	Minh Hải Jostoco	Thủy sản	-178	-13		-189	-40	

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)								
	Công ty	Ngành	Q4 2025	Q4 2024	Tăng trước	2025	2024	Tăng trước
TNG	TNG	Dệt may	134	90	49%	484	389	25%
HNI	May Hữu Nghị	Dệt may	73	81	-10%	119	134	-11%
HTG	Hòa Thọ	Dệt may	70	117	-41%	401	353	14%
HDM	Dệt may Huế	Dệt may	40	40	0%	189	137	38%
HUG	May Hưng Yên	Dệt may	28	23	23%	93	73	26%
TDT	Đầu tư và Phát triển TDT	Dệt may	6	9	-26%	21	16	30%
GMC	Garmex Saigon	Dệt may	-3	-21		-24	-40	

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

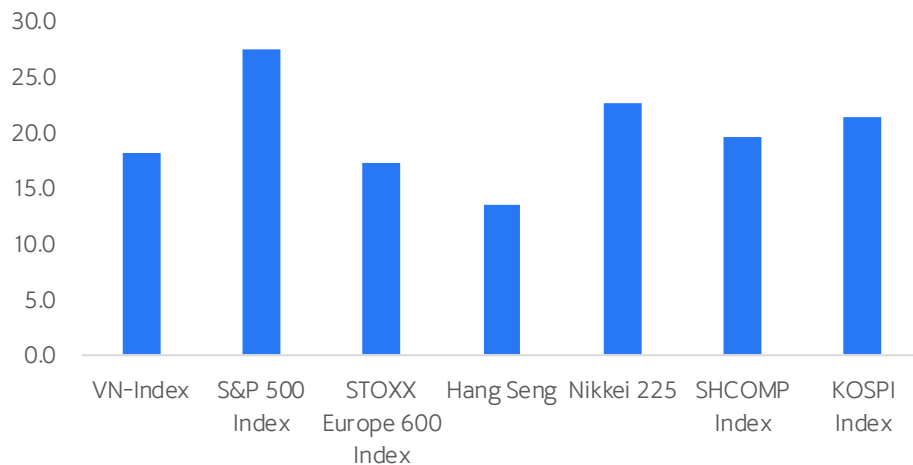


Giá trị vốn hóa					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.4	6.7	17.9	5.4	-17.3	18.3	47.3	-4.0	60.4	1.1	18.8	2.7	7,877,622
Mid Cap	-1.0	1.2	-0.4	2.9	-21.3	-4.6	15.5	-17.7	23.6	-0.7	15.3	1.4	535,194
Small Cap	0.3	-1.7	-0.9	-1.1	-20.8	-4.4	27.9	-16.9	16.0	-0.4	21.0	0.7	65,926

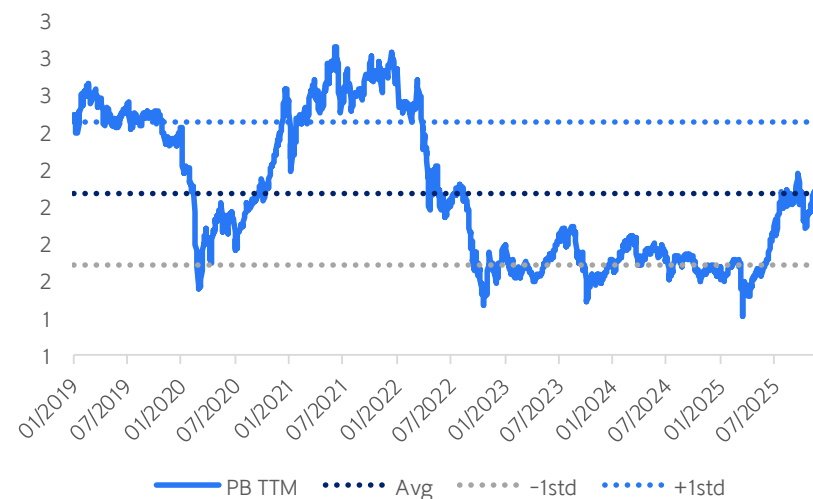
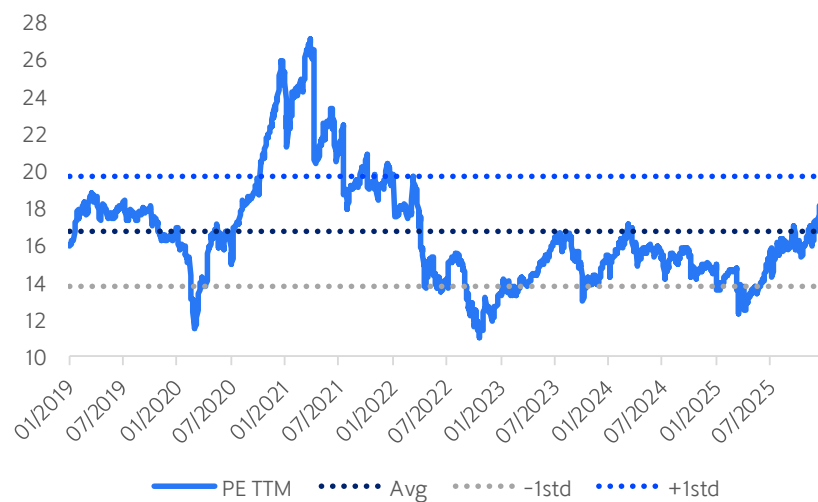
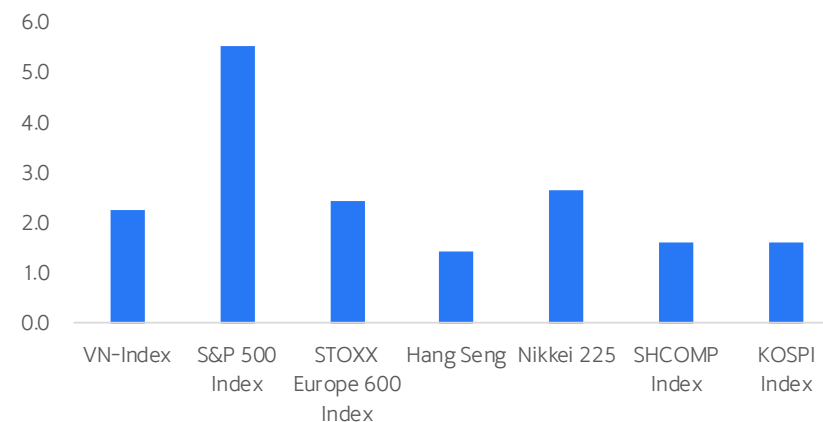
Theo ngành	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Hóa chất	3.0	25.1	16.7	27.6	5.0	31.7	64.2	18.0	4.6	1.0	21.1	2.1	243,937
Dầu khí	2.8	32.8	38.1	30.9	-14.2	44.8	217.3	-1.2	2.1	0.1	53.4	2.3	188,117
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.0	12.4	11.0	9.5	-3.8	-5.0	69.9	-12.5	3.7	0.6	14.2	1.9	64,914
Truyền thông	1.5	-0.8	0.2	6.4	4.9	83.9	285.3	20.9	2.8	0.6	18.6	1.5	2,858
Bất động sản	1.1	-0.7	28.0	-4.6	-18.8	13.8	34.7	-8.2	11.3	0.0	43.7	3.6	2,225,553
Tài chính	0.3	7.0	3.8	12.3	-23.9	7.2	37.6	-11.0	14.8	-1.0	17.8	2.0	403,650
Du lịch và Giải trí	0.2	-4.8	4.6	-2.6	-29.7	8.6	50.8	-18.1	0.2	0.0	29.4	8.2	367,472
Dược và Y tế	0.2	4.2	4.6	3.3	-38.3	-16.4	-1.5	-33.1	1.2	-0.4	17.9	2.3	41,543
Tiện ích	-0.3	31.7	40.6	19.8	-16.8	-3.1	25.1	-16.1	6.6	0.2	23.7	2.6	390,176
Ngân hàng	-1.1	10.5	10.7	10.6	-23.6	17.9	47.5	-8.4	17.6	-1.1	11.3	1.9	2,836,327
Ô tô & Phụ tùng	-1.1	-4.0	-7.5	-0.4	-16.7	22.8	25.3	-2.0	0.2	0.0	23.0	1.3	17,236
Xây dựng và vật liệu	-1.4	-1.0	-3.6	3.0	-29.3	-18.2	-16.2	-25.4	4.9	-0.7	18.9	1.6	148,356
Bán lẻ	-1.5	-0.2	6.4	-1.1	-7.2	28.2	31.5	7.3	1.7	0.2	39.5	4.5	171,777
Bảo hiểm	-2.3	23.6	33.4	21.6	-8.4	45.7	176.5	4.6	0.5	0.1	20.4	2.1	67,594
Thực phẩm và đồ uống	-2.7	3.1	7.2	4.9	-28.9	-19.3	-1.8	-27.8	6.2	-0.9	6.9	2.7	458,785
Tài nguyên cơ bản	-2.8	0.2	1.8	3.2	-28.1	-10.6	34.4	-23.2	8.5	-1.1	17.3	1.6	249,229
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-3.9	2.1	1.9	-0.6	-15.2	7.1	9.0	-5.4	7.7	0.3	20.1	2.6	263,302
Công nghệ Thông tin	-4.1	7.2	2.9	6.2	28.2	93.2	106.5	54.3	5.3	2.0	22.0	4.6	189,379

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	20,370.2	68,828.5	96,225.2
Ấn độ	-467.6	-2,963.1	-2,963.1	-2,963.1
Indonesia	-237.3	196.7	196.7	196.7
Nhật Bản*	5,527.5	13,552.9	796.4	13,552.9
Mayaysia	93.5	223.0	223.0	223.0
Hàn Quốc	536.4	1,308.1	1,203.3	1,203.3
Sri Lanka	-3.2	-14.0	-14.0	-14.0
Đài Loan	-1,433.3	336.8	336.8	336.8
Thái Lan	79.9	167.9	167.9	167.9
Việt Nam	-105.1	-147.8	-147.8	-147.8

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,802	-14.8	10.5	-81.8	-562.2
Nước ngoài	1,945	-4.9	22.9	-80.1	-432.2
VanEck Vectors Vietnam ETF	664	0.0	51.7	48.1	2.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	459	-7.5	-31.5	-59.4	-380.7
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	384	2.6	5.0	-10.0	-31.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	232	0.0	-2.2	-58.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	7	0.0	0.0	-0.7	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	857	-9.9	-12.4	-1.7	-130.0
DCVFMVN Diamond ETF	540	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	246	-9.5	-12.2	-2.3	-118.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	22	0.0	0.0	1.5	-3.2
MAFN VN30 ETF	35	-0.2	-0.5	-1.3	-6.9
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.2	0.2	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	-0.2	0.1	0.3	-0.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

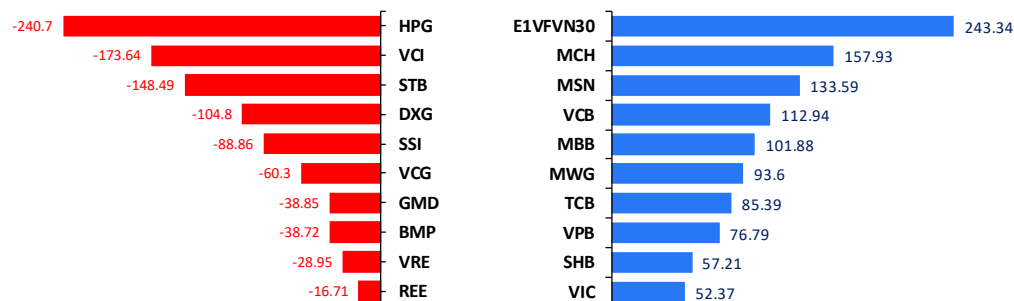
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

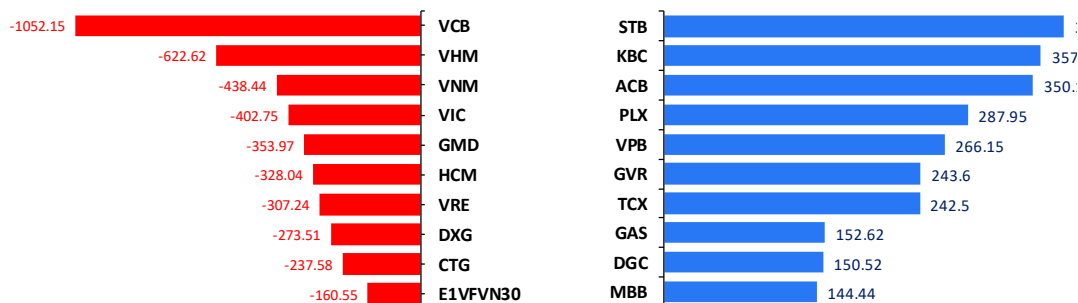
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

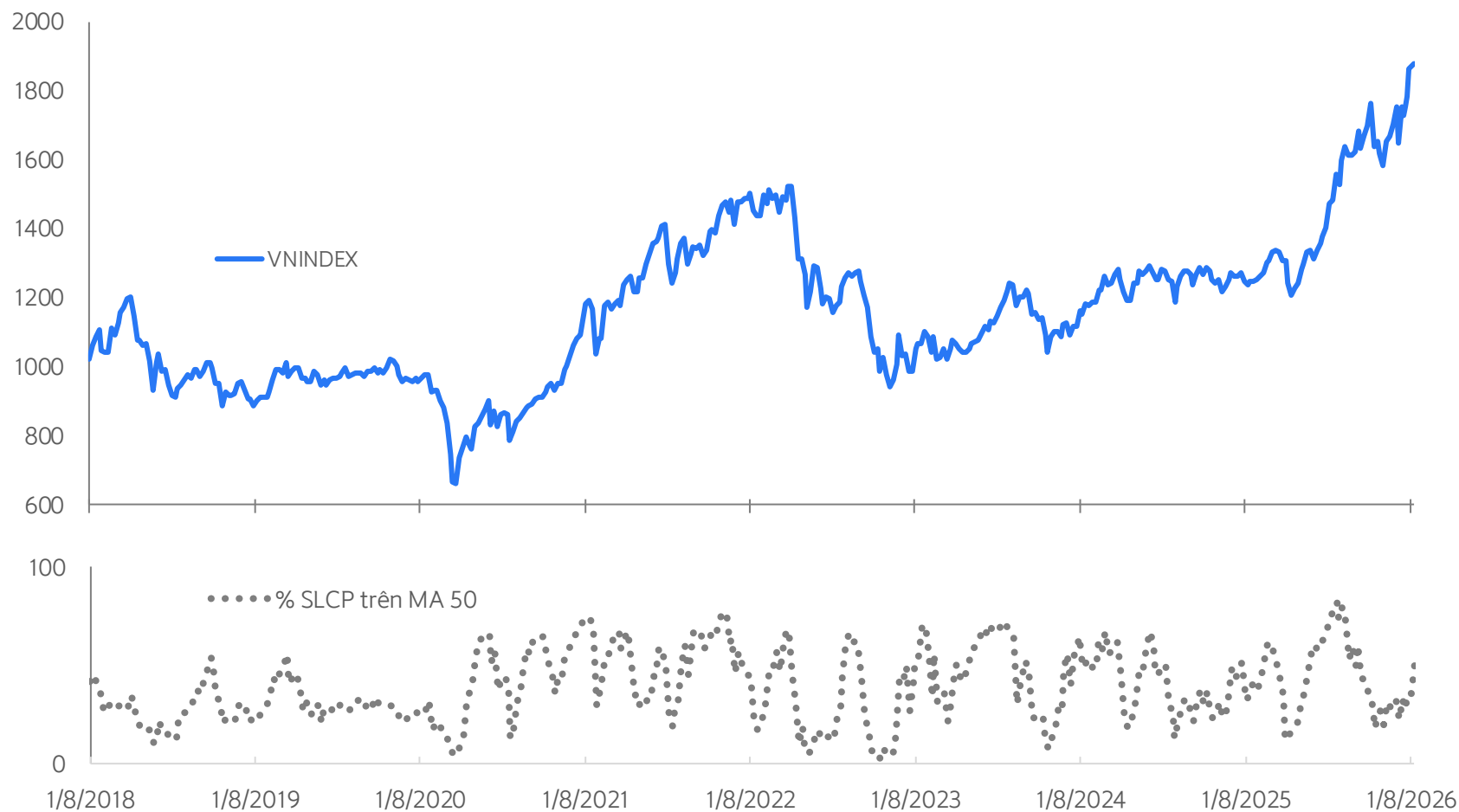
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-86	-2,028	-233	2,261
Tài nguyên Cơ bản	-234	53	257	-310
Truyền thông	0	-10	0	10
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-65	-437	387	49
Y tế	2	9	-5	-4
Hóa chất	-35	507	-487	-19
Dịch vụ tài chính	37	-727	354	374
Du lịch và Giải trí	13	-33	-29	61
Ngân hàng	417	-469	1,011	-543
Xây dựng và Vật liệu	-107	-52	20	32
Thực phẩm và đồ uống	337	-608	131	476
Bán lẻ	94	-22	-296	319
Điện, nước & xăng dầu khí	23	113	-131	19
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2	-128	-73	201
Công nghệ Thông tin	26	109	-188	79
Ô tô và phụ tùng	3	-78	68	10
Bảo hiểm	-3	110	-102	-8
Dầu khí	43	234	-334	100
Tổng	464	-3,457	349	3,107

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân&gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	46	Neutral	Neutral	DXG	35	Weak	Weak	BVH	66	Neutral	Neutral	HPG	48	Neutral	Neutral	GEX	41	Weak	Weak
MBB	58	Neutral	Strong	NVL	38	Weak	Weak	BMI	50	Strong	Strong	NKG	49	Neutral	Neutral	VSC	53	Strong	Neutral
HDB	63	Strong	Strong	DIG	40	Weak	Weak	BIC	57	Weak	Neutral	HSG	51	Neutral	Neutral	PVT	51	Neutral	Strong
VPB	46	Neutral	Neutral	VRE	48	Neutral	Neutral	VIX	52	Strong	Neutral	SMC	50	Neutral	Neutral	GMD	68	Strong	Strong
MSB	46	Neutral	Neutral	PDR	40	Neutral	Weak	SSI	54	Neutral	Strong	CII	37	Weak	Weak	HAH	46	Neutral	Weak
TCB	57	Neutral	Strong	VIC	56	Neutral	Strong	VND	47	Neutral	Neutral	HHV	43	Neutral	Weak	GEE	46	Weak	Neutral
EIB	53	Neutral	Neutral	KDH	38	Weak	Weak	VCI	56	Neutral	Strong	VCG	46	Neutral	Weak	VOS	62	Strong	Strong
ACB	58	Neutral	Neutral	VHM	51	Weak	Strong	HCM	48	Neutral	Neutral	PCI	50	Neutral	Neutral	APH	44	Neutral	Neutral
TPB	49	Neutral	Neutral	TCH	33	Weak	Weak	TCX	74	Too hot	Strong	FCN	44	Neutral	Weak	VTP	55	Strong	Strong
STB	68	Too hot	Strong	KBC	54	Neutral	Strong	ORS	51	Neutral	Neutral	VGC	62	Strong	Strong	SBG	50	Neutral	Neutral
CTG	56	Neutral	Strong	HDG	41	Neutral	Weak	VDS	53	Neutral	Neutral	DPG	69	Too hot	Strong	REE	53	Neutral	Neutral
VIB	44	Neutral	Neutral	HDC	43	Neutral	Weak	FTS	46	Neutral	Neutral	CTD	45	Neutral	Weak	PAC	47	Neutral	Neutral
SSB	51	Neutral	Neutral	NLG	41	Neutral	Weak	CTS	45	Neutral	Weak	CTR	53	Neutral	Strong	TV2	43	Neutral	Weak
VCB	57	Strong	Strong	DXS	32	Weak	Weak	BSI	46	Neutral	Neutral	HT1	55	Neutral	Strong	TCM	48	Neutral	Neutral
NAB	49	Neutral	Neutral	NTL	48	Neutral	Neutral	TCI	42	Neutral	Weak	CTI	58	Strong	Neutral	TLG	50	Neutral	Neutral
OCB	44	Neutral	Neutral	SIP	62	Strong	Strong	TVB	43	Neutral	Neutral	BMP	32	Weak	Weak	PNJ	74	Too hot	Strong
BID	66	Too hot	Strong	SZC	53	Neutral	Neutral	DSE	60	Strong	Strong					MSH	53	Neutral	Neutral
LPB	47	Neutral	Weak	BCM	49	Neutral	Strong												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch&giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	54	Neutral	Strong	PVD	46	Weak	Neutral	MSN	53	Neutral	Neutral	YEG	55	Strong	Strong	VPL	51	Neutral	Neutral
SAM	46	Neutral	Neutral	BSR	62	Too hot	Strong	VNM	54	Strong	Strong	DCL	84	Too hot	Strong	VJC	50	Neutral	Neutral
ELC	57	Neutral	Strong	PLX	74	Too hot	Strong	DBC	55	Neutral	Neutral	DBD	70	Strong	Strong	HVN	49	Neutral	Neutral
CMG	59	Strong	Strong	POW	54	Neutral	Strong	BAF	62	Neutral	Strong	TNH	52	Neutral	Neutral	SCS	59	Strong	Strong
MWG	50	Neutral	Neutral	NT2	65	Strong	Strong	SAB	47	Neutral	Neutral	JVC	32	Weak	Weak	VNG	49	Neutral	Neutral
DGW	60	Strong	Strong	GAS	64	Too hot	Strong	ANV	51	Neutral	Neutral					HAX	58	Strong	Strong
PET	46	Weak	Neutral	GEG	56	Neutral	Neutral	VHC	53	Neutral	Strong					DRC	55	Neutral	Neutral
FRT	56	Neutral	Neutral	PPC	52	Neutral	Neutral	MCH	12	Weak									

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	FPT	101	112	96	10.9%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm
2	PHR	62.2	74	NA	19.0%	Kì vọng tăng trưởng lợi nhuận được hỗ trợ bởi việc chuyển đổi đất cao su sang khu công nghiệp. Giá và thanh khoản có dấu hiệu cải thiện rõ nét trên MA 50
3	DCM	36.05	NA	36	NA	Kì vọng bật tăng tại hỗ trợ mở ra cơ hội mua mới. Nhóm ngành phân bón được hưởng lợi nhờ chính sách thuế VAT đầu ra và giá phân bón kì vọng neo cao

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CMV	Bán lẻ	1.68 - 58.70	8.8	-19.6%
2	PMG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.50 - 49.25	9.1	-18.9%
3	NNC	Xây dựng và Vật liệu	23.40 - 77.90	55.5	-16.4%
4	KLB	Ngân hàng	15.90 - 18.70	15.9	-12.4%
5	GEE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27.46 - 246.00	203.0	-11.4%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
18.2%	6.9	2.33 - 11.90	Xây dựng và Vật liệu	HID
16.5%	53.8	19.00 - 54.00	Y tế	DCL
13.7%	3.3	1.74 - 3.79	Tài nguyên Cơ bản	DLG
13.1%	14.7	6.95 - 47.65	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ABR
12.6%	3.3	12.15 - 39.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TYA

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NBP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.30 - 13.20	7.6	-23.2%
2	PVI	Bảo hiểm	51.00 - 123.70	90.0	-20.0%
3	AMC	Tài nguyên Cơ bản	9.53 - 17.20	12.8	-18.5%
4	ONE	Công nghệ Thông tin	4.40 - 10.00	7.4	-17.8%
5	#VALUE!	#VALUE!	8.90 - 13.80	11.3	-15.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.5%	58.0	17.40 - 58.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VMS
25.8%	19.5	8.10 - 19.50	Y tế	MKV
19.2%	32.3	17.60 - 39.30	Hóa chất	PLC
18.3%	25.9	17.10 - 37.60	Hàng cá nhân & Gia dụng	GLT
16.0%	63.2	47.00 - 64.00	Y tế	DP3

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	IME	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.50 - 84.60	50.5	-40.0%
2	HPI	Bất động sản	17.80 - 33.90	22.7	-25.3%
3	BII	Bất động sản	0.30 - 1.00	0.3	-25.0%
4	PND	Tiêu dùng không thiết yếu	4.20 - 7.80	5.3	-22.1%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	9.80 - 15.00	10.0	-20.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
81.3%	211.8	68.37 - 211.80	Dịch vụ tài chính	F88
49.5%	15.1	8.20 - 15.80	Dịch vụ tài chính	PHS
47.8%	13.3	7.90 - 17.80	Xây dựng và Vật liệu	HC1
44.2%	45.0	10.00 - 48.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VXT
40.0%	14.0	10.00 - 14.00	Thực phẩm và đồ uống	FCC

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	FMC	Thực phẩm Sao Ta	Thực phẩm và đồ uống	4,056.3	303.9	37.4	3.65 – 5.73	7.3
2	DLG	Đức Long Gia Lai	Tài nguyên Cơ bản	25,433.3	233.1	3.3	1.74 – 3.79	13.7
3	TIP	PT KCN Tín Nghĩa	Bất động sản	5,433.8	211.1	19.5	16.50 – 23.35	-1.0
4	GMD	Gemadept	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	184,342.4	156.2	68.5	42.20 – 74.50	7.2
5	PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	328,533.7	143.3	112.4	62.80 – 115.00	4.4
6	RAL	Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	1,449.5	133.4	95.0	90.50 – 132.80	0.0
7	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	7,665.6	124.5	38.7	25.30 – 42.15	6.3
8	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4,396.0	110.2	99.5	15.50 – 117.30	6.6
9	ELC	ELCOM	Công nghệ Thông tin	74,056.7	106.9	25.0	17.43 – 26.80	-6.5
10	NTC	KCN Nam Tân Uyên	Bất động sản	5,452.9	101.8	155.9	152.20 – 167.30	-1.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam – Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

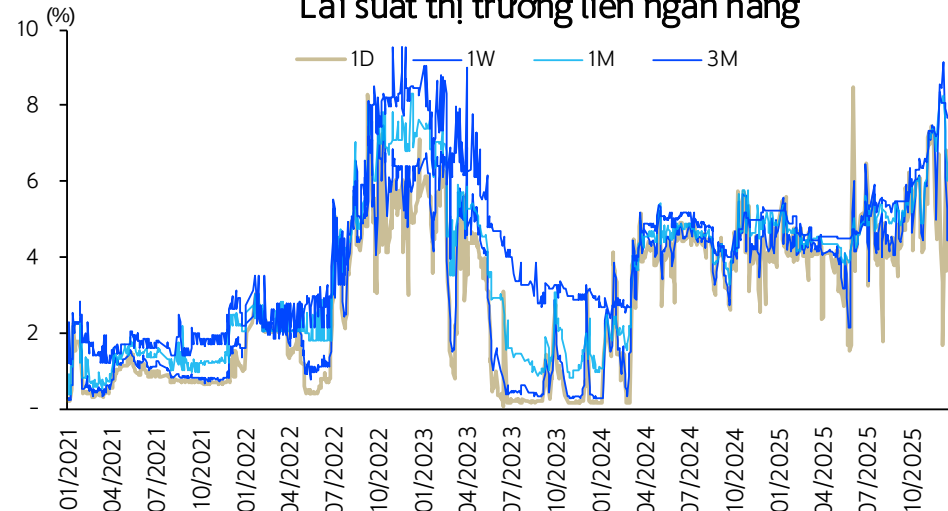
		Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dollar index	98.42	-0.9	0.5	-0.5	0.1	
	VND/USD	26,245	-0.1	-0.3	-0.3	-0.2	
	KRW/USD	1,467.85	-0.5	-0.9	2.1	2.0	
	JPY/USD	158.35	0.1	1.4	3.8	1.0	
	EUR/USD	0.85	-1.2	0.4	-1.1	0.0	
	SGD/USD	1.28	-0.8	-0.5	-1.5	-0.5	
	CNY/USD	6.96	-0.1	-0.9	-2.2	-0.4	

Hàng hóa

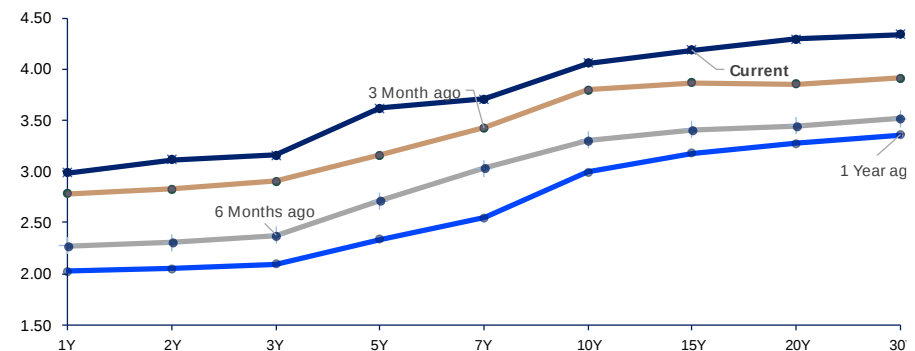
		Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dầu thô	59.88	1.2	2.6	-3.1	4.3	
	Xăng	182.21	2.1	4.5	-5.4	6.8	
	Gas	4.91	57.0	11.4	46.9	33.2	
	Than	109.55	1.1	1.2	5.6	1.9	
	Vàng	4,922.81	7.1	9.8	19.3	14.0	
	Bạc	97.88	8.6	37.0	100.1	36.6	
	Platinum	2,622.19	12.0	14.5	60.9	27.3	
	Quặng sắt	106.42	-1.2	-0.5	0.8	-0.7	
	Thép cán	3,282.00	-0.5	0.3	-0.7	0.4	
	Lúa mì	517.50	1.4	0.1	0.9	2.1	
	Ngô	423.25	0.7	-5.4	-1.1	-3.9	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.98	3.11	3.16	3.61	3.71	4.06	4.18	3.87	3.41
Thay đổi (WoW)	-1.70	0.60	0.60	1.40	3.30	-8.20	-6.10	-1.20	-1.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.